

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN LT
TỈNH VĨNH PHÚC**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 58/2023/HS-ST
Ngày 14 - 7 - 2023

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LT, TỈNH VĨNH PHÚC**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Kim Thị Ánh Vân

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Tiến Sửu

Ông Nguyễn Trung Thành

- Thư ký phiên tòa: Ông Hoàng Quốc Khánh - Thư ký Tòa án nhân dân huyện LT, tỉnh Vĩnh Phúc.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện LT, tỉnh Vĩnh Phúc tham gia phiên tòa: Bà Diệp Thị Thanh Tâm - Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 7 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện LT xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ L số: 48/2023/TLST-HS ngày 30 tháng 5 năm 2023 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 48/2023/QĐXXST-HS ngày 02 tháng 6 năm 2023 đối với bị cáo:

Khổng Văn L, sinh năm 1981; nơi cư trú: Thôn X, xã T, huyện SL, tỉnh Vĩnh Phúc; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hoá: 09/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Khổng Văn L1 và bà Hà Thị L; có vợ là Nguyễn Thị T và 02 con (con lớn sinh năm 2003, con nhỏ sinh năm 2006); tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị áp dụng Lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú (có mặt).

+ Bị hại: Bà Phạm Thị H, sinh năm 1964 (vắng mặt)

Nơi cư trú: Tổ dân phố T, thị trấn LT, huyện LT, tỉnh Vĩnh Phúc

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau: Khoảng đầu tháng 8/2021, do cần tiền tiêu sài nên Khổng Văn L, sinh năm 1981 ở thôn X, xã T, huyện SL, tỉnh Vĩnh Phúc lên 01 trang mạng xã hội đặt mua 01 sợi dây chuyền màu vàng (được chế tác dạng 67 mắt xích nối với nhau, có 01 móc khóa, có tổng khối lượng 75,27g) với giá

1.000.000đ mục đích là để đem đi lừa là vàng thật cầm cố lấy tiền. Sau khi nhận được sợi dây chuyền vàng giả trên, khoảng 15 giờ ngày 07/8/2021 L đem sợi dây chuyền trên đến nhà bà Phạm Thị H, sinh năm 1964 ở TDP T, thị trấn LT, huyện LT, tỉnh Vĩnh Phúc gặp bà H và nói cho L cầm cố sợi dây chuyền để vay số tiền 8.000.000. Để tạo lòng tin cho bà H nên L nói: “chiếc dây chuyền này là của em gái cháu mua tặng con gái cháu để sau này vào đại học thì sử dụng, sợi dây này là 01 cây vàng 9999, cháu trộm vợ mang đi cầm cố, cô cho cháu cầm cố 01 tháng thì cháu sẽ chuộc lại, cô đừng nói chuyện này với vợ cháu nhé”. Để tránh bị bà H phát hiện sợi dây chuyền là vàng giả nên L để sợi dây chuyền vào 01 hộp nhựa màu cam L đem theo từ trước, L ký tên vào giấy rồi dùng băng dính dán niêm phong hộp nhựa và giao hộp nhựa đựng sợi dây chuyền cho bà H. Do tin tưởng sợi dây chuyền là vàng thật nên bà H yêu cầu L viết giấy vay tiền và đưa cho số tiền 8.000.000đ. L cầm tiền và trả co bà H số tiền 300.000đ (tiền lãi 01 tháng) rồi L đi về và tiêu sài hết số tiền trên. Khi hết thời hạn cầm cố không thấy L đến chuộc lại sợi dây chuyền, bà H nhiều lần liên lạc yêu cầu L trả tiền, nhưng so sợi dây chuyền L cầm cố cho bà H là vàng giả và không có tiền để trả cho bà H nên bỏ trốn khỏi địa phương. Sau đó bà H đem sợi dây chuyền L cầm cố đến cửa hàng vàng bạc T ở thị trấn LT, huyện LT kiểm tra thì phát hiện sợi dây chuyền là vàng giả nên bà H viết đơn trình báo cơ quan công an và giao nộp sợi dây chuyền. Quá trình làm việc với cơ quan điều tra L thừa nhận sợi dây chuyền do bà H giao nộp là sợi dây chuyền vàng giả của L cầm cố để lừa chiếm đoạt tiền của bà H.

Ngày 14/9/2022, Viện khoa học hình sự Bộ công an có kết luận giám định số 5962/KL-KTHS kết luận: 01 (một) sợi dây chuyền bằng kim loại màu vàng được chế tác dạng 67 (sáu mươi bảy) mắt xích nối với nhau, có móc khóa (ký hiệu A1) trong đó: 67 (sáu mươi bảy) mắt xích có tổng khối lượng 75,27g đều bằng sắt (Fe), hàm lượng trung bình Fe: 99,98%; Móc khóa có khối lượng 0,40 gam là hợp kim của đồng (Cu), kẽm (Zn), hàm lượng trung bình: Cu: 63,54%, Zn: 36,46%. Dây chuyền có màu vàng do được phủ chất màu vàng không chứa vàng kim loại.

Tại Bản kết luận định giá tài sản số 22 ngày 19/4/2023 của Hội đồng định giá tài sản trong Tổ tụng hình sự kết luận: 01 sợi dây chuyền bằng kim loại có màu vàng được chế tác dạng 67 mắt xích nối với nhau, có móc khóa... Dây chuyền có màu vàng do được phủ chất màu vàng không chứa vàng kim loại trị giá 120.000đ.

Đối với bà Phạm Thị H cho L cầm cố tài sản vay tiền với lãi suất 300.000đ/8.000.000đ/tháng (tương đương lãi suất 0,125%/ngày, 3,75%/tháng, 55%/năm) là không vượt quá lãi suất cho vay theo quy định nên cơ quan điều tra không đề cập xử L là có căn cứ.

* Về vật chứng vụ án:

- 01 sợi dây chuyền bằng kim loại có màu vàng được chế tác dạng 67 mắt xích nối với nhau, có móc khóa là công cụ, phương tiện L dùng vào việc phạm tội nên cần tịch thu bán sung quỹ Nhà nước.

- 01 giấy vay tiền là tài liệu chứng minh tội phạm nên cần lưu giữ trong hồ sơ vụ án.

* Về trách nhiệm dân sự:

Khổng Văn L đã trả lại cho bà H số tiền 8.000.000đ, bà H đã nhận đủ số tiền trên và không có yêu cầu đề nghị gì khác.

Trong quá trình điều tra Khổng Văn L đã thành khẩn khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình. Ngoài lần phạm tội này, L không thực hiện hành vi phạm tội nào khác.

Tại Cáo trạng số 53/CT-VKS ngày 29 tháng 5 năm 2023 của Viện kiểm sát nhân dân huyện LT truy tố bị cáo Khổng Văn L về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 174 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện LT thực hành quyền công tố giữ nguyên quyết định đã truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 174; điểm b, i, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự đề nghị tuyên bố bị cáo Khổng Văn L phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”. Đề nghị xử phạt Khổng Văn L từ 08 tháng đến 10 tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bắt thi hành án. Do Khổng Văn L không có nghề nghiệp ổn định, không có tài sản riêng nên đề nghị không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

Bị hại bà Phạm Thị H vắng tại phiên tòa, quá trình điều tra trình bày các nội dung phù hợp lời khai của bị cáo và không có ý kiến đề nghị gì.

Bị cáo L không có ý kiến tranh luận. Bị cáo nói lời sau cùng bị cáo biết hành vi của mình là sai trái, xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi tố tụng, quyết định tố tụng của cơ quan điều tra Công an huyện LT, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện LT, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự tố tụng của

Bộ luật tố tụng hình sự. Bị cáo và những người tham gia tố tụng không có ý kiến hay khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó các hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đều hợp pháp.

[2] Tại phiên tòa bị cáo Khổng Văn L đã khai nhận hành vi phạm tội của mình như nội dung của bản Cáo trạng đã nêu. Lời khai của bị cáo phù hợp với lời khai của những người tham gia tố tụng và các tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án. Do đó có đủ cơ sở chứng cứ khách quan để kết luận: Khoảng 15 giờ ngày 07/8/2021, Khổng Văn L - sinh năm 1981 ở thôn X, xã T, huyện SL, tỉnh Vĩnh Phúc có hành vi dùng 01 sợi dây chuyền vàng giả lừa đảo (bằng hình thức cầm cổ) chiếm đoạt của bà Phạm Thị H- sinh năm 1964 ở TDP T, TT LT, huyện LT, tỉnh Vĩnh Phúc số tiền 8.000.000đ rồi bỏ trốn tiêu sài cá nhân hết.

[3] Hành vi nêu trên của Khổng Văn L đã phạm vào tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản". Tội phạm và hình phạt được quy định tại khoản 1 Điều 174 Bộ luật hình sự.

Khoản 1 Điều 174 Bộ luật hình sự quy định: *“Người nào bằng thủ đoạn gian dối chiếm đoạt tài sản của người khác trị giá từ 2.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng ... thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm”*.

Xét tính chất vụ án là ít nghiêm trọng, hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, gây ảnh hưởng xấu đến tình hình trật tự trị an, an toàn xã hội. Hành vi của bị cáo xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ. Vì vậy cần phải xử phạt nghiêm để giáo dục riêng và phòng ngừa chung.

[4] Về nhân thân, tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, thấy rằng: Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; tự nguyện bồi thường khắc phục hậu quả; phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng. Do đó bị cáo được áp dụng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm b, i, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự. Bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự nào quy định tại Điều 52 Bộ luật hình sự. Căn cứ vào tính chất, hành vi phạm tội, nhân thân bị cáo, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự; xét thấy cần cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian để cải tạo, giáo dục là cần thiết.

[5] Về hình phạt bổ sung: Theo khoản 5 Điều 174 của Bộ luật hình sự quy định *“Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến*

100.000.000 đồng", do đó bị cáo có thể bị áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền. Tuy nhiên bị cáo không có nghề nghiệp ổn định, không có tài sản riêng, vì vậy Hội đồng xét xử quyết định không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

[6] Đối với bà Phạm Thị H cho L cầm cố tài sản vay tiền với lãi suất 300.000đ/8.000.000đ/tháng (tương đương lãi suất 0,125%/ngày, 3,75%/tháng, 55%/năm) là không vượt quá lãi suất cho vay theo quy định nên cơ quan điều tra không đề cập xử L là có căn cứ.

[7] Về xử L vật chứng và trách nhiệm dân sự:

- 01 sợi dây chuyền bằng kim loại có màu vàng được chế tác dạng 67 mắt xích nối với nhau, có móc khóa là công cụ, phương tiện L dùng vào việc phạm tội nên cần tịch thu, bán sung quỹ Nhà nước.

- 01 giấy vay tiền là tài liệu chứng minh tội phạm nên cần lưu giữ trong hồ sơ vụ án.

- Không Văn L đã trả lại cho bà H số tiền 8.000.000đ, bà H đã nhận đủ số tiền trên và không có yêu cầu, đề nghị gì khác, nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[8] Về án phí: Bị cáo Không Văn L phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố: Bị cáo Không Văn L phạm tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản".

Căn cứ vào khoản 1 Điều 174; điểm b, i, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự; xử phạt bị cáo Không Văn L 08 (tám) tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt thi hành án.

Về xử lý vật chứng: Căn cứ vào Khoản 1 Điều 47 Bộ luật hình sự và Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự.

Tịch thu, bán sung quỹ nhà nước 01 sợi dây chuyền bằng kim loại có màu vàng được chế tác dạng 67 mắt xích nối với nhau, có móc khóa là công cụ, phương tiện L dùng vào việc phạm tội.

(Vật chứng có đặc điểm như Biên bản giao nhận vật chứng ngày 14 tháng 6 năm 2023 giữa Công an huyện LT và Chi cục Thi hành án dân sự huyện LT).

Về án phí: Căn cứ vào khoản 2 Điều 135, khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30 tháng 12 năm 2016

của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội: Buộc bị cáo Khổng Văn L phải nộp 200.000đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Bị cáo có mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Bị hại vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Vĩnh Phúc;
- VKSND tỉnh Vĩnh Phúc;
- VKSND huyện LT;
- Chi cục THADS huyện LT;
- Công an huyện LT;
- Sở tư pháp tỉnh Vĩnh Phúc;
- Những người tham gia tố tụng
- Lưu: HS, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Kim Thị Ánh Vân

